

Số: **783/QĐ-ĐLTKV**

Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát
Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP

BAN KIỂM SOÁT
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Điện lực - TKV được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 28/4/2021;

Căn cứ Biên bản cuộc họp Ban Kiểm soát ngày 28/4/2021 thông qua các nội dung Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 560/QĐ-ĐLTKV ngày 5/4/2016 của Ban Kiểm soát Tổng công ty.

Điều 3. Các thành viên Ban Kiểm soát Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP, các đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (e-copy);
- Tập đoàn TKV (b/c);
- HĐQT Tổng Công ty;
- TGD, Các P.TGD, KTTTr TCTy;
- Các Phòng của TCTy;
- Các công ty con, đơn vị trực thuộc TCTy;
- Lưu: VT, BKS.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN
TỔNG
CÔNG TY
ĐIỆN LỰC
TKV
Lê Ngọc Nam

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2021

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV- CTCP**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐLTKV ngày 28 /4/2021)

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH 14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Điện lực TKV- CTCP được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 28 tháng 4 năm 2021;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 06/NQ-ĐHĐCĐ-2021 ngày 28 tháng 4 năm 2021;

Ban Kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Tổng công ty Điện lực TKV- CTCP;

Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Tổng công ty Điện lực TKV- CTCP bao gồm các nội dung sau:

Chương 1

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát được áp dụng cho Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 2: Giải thích từ ngữ và các từ viết tắt

- Tổng công ty: Tổng công ty Điện lực TKV- CTCP
- Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ): Là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Tổng công ty bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết.
- Điều lệ: Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Điện lực TKV- CTCP.
- HĐQT: Hội đồng quản trị Tổng công ty Điện lực TKV- CTCP.
- Ban Kiểm soát (BKS): Ban Kiểm soát Tổng công ty Điện lực TKV- CTCP
- Tổng giám đốc (TGDĐ): Tổng giám đốc Tổng công ty Điện lực TKV- CTCP
- Đơn vị: Là các chi nhánh, công ty con của Tổng Công ty.
- Luật Doanh nghiệp: Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ, nghị quyết, quyết định ĐHĐCĐ và các quy định tại Quy chế này. Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.
2. Ban Kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các kết luận giám sát của mình đối với sự phát triển của Tổng công ty.
3. Mục tiêu hoạt động của Ban Kiểm soát là bảo vệ lợi ích của Cổ đông, của Tổng công ty, đảm bảo Tổng công ty phát triển bền vững, đảm bảo sự đoàn kết nội bộ giữa các Cổ đông, cân bằng lợi ích giữa các bộ phận trong Tổng công ty.
4. Ban Kiểm soát thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Tổng công ty và cổ đông của Tổng công ty.
5. Tất cả các báo cáo, kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát gửi cho ĐHĐCĐ, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các cơ quan Nhà nước phải được thảo luận tập thể trong Ban Kiểm soát và có thể tham khảo ý kiến của HĐQT.

Chương 2

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

Điều 4: Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Tổng công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Tổng công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Tổng công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các Khoản 4.1, 4.2, 4.3 và 4.4 Điều này mà gây thiệt hại cho Tổng công ty hoặc người khác thì thành viên Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Tổng công ty.
6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban Kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 5: Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban Kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty.
3. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
4. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban Kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 6: Tiêu chuẩn, điều kiện và nhiệm vụ thành viên Ban Kiểm soát

1. Thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a. Không thuộc đối tượng theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Tổng công ty;
 - c. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;
 - d. Không phải là người quản lý Tổng công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Tổng công ty;
 - đ. Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty;
 - e. Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty trong 03 năm liền trước đó;
 - g. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Tổng công ty.
2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều này, thành viên Ban Kiểm soát Tổng công ty không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Tổng công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Tổng công ty.

Điều 7: Trưởng Ban Kiểm soát

1. Các Kiểm soát viên phải bầu một Kiểm soát viên làm Trưởng Ban Kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.
2. Trưởng Ban Kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty.
3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát do Điều lệ công ty quy định, bao gồm nhưng không giới hạn bởi các nội dung sau:
 - a. Tổ chức xây dựng, sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của BKS.
 - b. Xây dựng chương trình, kế hoạch giám sát, kiểm tra theo định kỳ hằng quý, hằng năm và tổ chức thực hiện theo chương trình kế hoạch.
 - c. Chịu trách nhiệm đôn đốc các thành viên Ban Kiểm soát triển khai thực hiện những nhiệm vụ của Ban Kiểm soát quy định trong quy chế này; chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ về các hoạt động của Ban Kiểm soát.
 - d. Ủy quyền bằng văn bản cho thành viên Ban Kiểm soát đảm nhiệm công việc của Trưởng Ban Kiểm soát trong thời gian vắng mặt.

đ. Đề nghị HĐQT họp phiên bất thường để xử lý những trường hợp vi phạm quy định Pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ. Thay mặt Ban Kiểm soát triệu tập, chủ trì cuộc họp bất thường của Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ Tổng công ty và pháp luật.

e. Chuẩn bị chương trình cho các cuộc họp của Ban Kiểm soát. Đồng thời triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban Kiểm soát.

g. Tham dự các cuộc họp giao ban của Tổng công ty; các phiên họp của Hội đồng quản trị theo giấy mời, có quyền phát biểu ý kiến, kiến nghị nhưng không tham gia biểu quyết.

h. Yêu cầu ghi lại các ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị nếu ý kiến của mình khác với các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và báo cáo trực tiếp lên Đại hội đồng cổ đông

i. Chịu trách nhiệm về những nội dung nêu trong báo cáo định kỳ hoặc đột xuất của Ban Kiểm soát được gửi đến ĐHĐCĐ

k. Các quyền và nghĩa vụ khác quy định khác của Pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 8. Đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Ban Kiểm soát được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Ban Kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm Kiểm soát viên. Thông tin liên quan đến ứng viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b. Trình độ học vấn;

c. Trình độ chuyên môn;

d. Quá trình công tác;

đ. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ Kiểm soát viên và các chức danh quản lý, điều hành khác;

e. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là Kiểm soát viên của Tổng công ty;

g. Các lợi ích có liên quan tới Tổng công ty (nếu có);

h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);

i. Các thông tin khác (nếu có).

2. Giới thiệu, đề cử vào Ban Kiểm soát.

Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban Kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ ba (03) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại Khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Tổng công ty.

3. Trường hợp bầu lần thứ nhất không đủ số lượng thành viên Ban Kiểm soát theo quy định thì phải tiến hành bầu tiếp lần hai trong số những người đã được đề cử của lần thứ nhất còn lại. Trường hợp khi bầu lần thứ hai vẫn chưa đủ số lượng quy định thì Đại hội đồng cổ đông quyết định có bầu tiếp hay không, nếu Đại hội đồng cổ đông không quyết định được thì chủ toạ Đại hội quyết định.

Điều 10. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;

- b. Kiểm soát viên đó có đơn từ chức được gửi đến trụ sở chính Tổng công ty và được chấp thuận;
 - c. Kiểm soát viên đó bị rối loạn tâm thần và các Kiểm soát viên khác có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự
 - d. Trường hợp khác do Điều lệ Tổng công ty quy định.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:
- a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Kiểm soát viên đó không thực hiện nghĩa vụ của mình, vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban Kiểm soát liên tục trong vòng sáu (06) tháng liên tục, và trong thời gian này Ban Kiểm soát không cho phép Kiểm soát viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Kiểm soát viên đó bị bãi nhiệm Kiểm soát viên theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông do không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty;
 - d. Không còn là đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó;
 - e. Là đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của Tổng công ty nữa.
 - g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty.

Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban Kiểm soát, Tổng công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban Kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban Kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:
- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ chuyên môn;
 - c. Quá trình công tác;

- d. Các chức danh quản lý khác;
 - đ. Lợi ích có liên quan tới Tổng công ty và các bên có liên quan của Tổng công ty;
 - e. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty;
 - g. Tổng công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban Kiểm soát (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương 3

BAN KIỂM SOÁT

Điều 12: Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Tổng công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Tổng công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Tổng công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại Khoản này không được cản trở hoạt

động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Tổng T công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Tổng công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tổng công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban Kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi

phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trưởng Ban Kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm Chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 13. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b. Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c. Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Tổng công ty phát hành.

2. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Tổng Tổng công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Tổng công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tổng công ty theo yêu cầu của thành viên Ban Kiểm soát hoặc Ban Kiểm soát.

Điều 14. Trách nhiệm của Ban Kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban Kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a. Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

- b. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;
 - c. Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban Kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.
2. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban Kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Tổng công ty.
 3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 1 Điều này sẽ được Tổng công ty hoàn lại.

Điều 15: Chế độ làm việc.

1. Ban Kiểm soát thực hiện việc giám sát, kiểm tra theo chế độ trách nhiệm cá nhân, kết hợp với chế độ làm việc tập thể của Ban Kiểm soát.
2. Trưởng Ban Kiểm soát lập chương trình, kế hoạch công tác kiểm soát định kỳ hàng quý, hàng năm hoặc khi cần kiểm tra đột xuất để phát hiện những sai sót giúp Tổng công ty khắc phục kịp thời. Các thành viên Ban Kiểm soát căn cứ theo nhiệm vụ được phân công có trách nhiệm thực hiện chương trình đó.
3. Trưởng Ban Kiểm soát triệu tập và chủ trì tất cả các cuộc họp của BKS, trường hợp vắng mặt, Trưởng Ban Kiểm soát ủy quyền cho một thành viên Ban Kiểm soát thay mặt chủ trì, giải quyết các công việc của Ban Kiểm soát. Cuộc họp được coi là họp lệ khi có ít nhất 2/3 số thành viên Ban Kiểm soát có mặt. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc có thể tham dự các cuộc họp của Ban Kiểm soát nếu thấy cần thiết nhưng không làm thay đổi nội dung cuộc họp cũng như ảnh hưởng đến tính độc lập trong thực hiện nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.

Điều 16: Cuộc họp của Ban Kiểm soát

1. Cuộc họp thường kỳ: Ban Kiểm soát họp định kỳ ít nhất mỗi quý một lần.
2. Cuộc họp bất thường: Cuộc họp bất thường của Ban Kiểm soát được tiến hành theo đề nghị của:
 - Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc ít nhất 2/3 (hai phần ba) thành viên Hội đồng quản trị;
 - Tổng giám đốc;
 - Trưởng Ban Kiểm soát hoặc ít nhất 2/3 (hai phần ba) thành viên Ban Kiểm soát.
3. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp Ban Kiểm soát bất thường, Trưởng Ban Kiểm soát phải triệu tập và tiến hành cuộc họp.

4. Cuộc họp Ban Kiểm soát được tiến hành sau 3 (ba) ngày kể từ ngày gửi thông báo cho các thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 17: Trình tự tổ chức và tiến hành họp Ban Kiểm soát

1. Tất cả các cuộc họp định kỳ hoặc bất thường đều phải có nội dung chuẩn bị trước. Trưởng Ban Kiểm soát căn cứ mục đích cuộc họp để phân công cho các thành viên Ban Kiểm soát chuẩn bị nội dung cuộc họp.
2. Trưởng Ban Kiểm soát hoặc người được ủy quyền thông báo mời họp tới các thành viên Ban Kiểm soát. Trong trường hợp không thể dự họp, thành viên Ban Kiểm soát có quyền gửi phiếu biểu quyết bằng văn bản cho Ban Kiểm soát trước khi họp.
3. Cuộc họp Ban Kiểm soát được tiến hành khi có 2/3 (hai phần ba) thành viên Ban Kiểm soát trở lên trực tiếp tham dự hoặc người thay thế là một trong các thành viên Ban Kiểm soát được ủy quyền. Việc ủy quyền phải được lập thành văn bản.
4. Trường hợp cuộc họp của BKS được triệu tập nhưng không đủ số thành viên tham dự theo quy định, Trưởng Ban Kiểm soát phải triệu tập tiếp cuộc họp lần 2 trong thời gian không quá 15 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Sau hai lần triệu tập họp vẫn không đủ số thành viên tham dự theo quy định, Trưởng Ban Kiểm soát phải thông báo cho Chủ tịch HĐQT và đề nghị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn không quá ba mươi (30) ngày tiếp theo để Đại hội đồng cổ đông xem xét thành phần và tư cách của các thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 18: Thông qua quyết định của Ban Kiểm soát

1. Mỗi thành viên Ban Kiểm soát tham dự cuộc họp sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp Ban Kiểm soát. Nếu thành viên Ban Kiểm soát không thể tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền bằng văn bản biểu quyết cho một thành viên Ban Kiểm soát khác (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết theo quy định tại Điều này) thực hiện biểu quyết.
2. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ Tổng công ty) với vấn đề/vụ việc được đưa ra biểu quyết sẽ không được tham gia biểu quyết đối với vấn đề/vụ việc đó, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của thành viên Ban Kiểm soát khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.
3. Biểu quyết đa số: Quyết định của Ban Kiểm soát được thông qua nếu được trên 50% số thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu bằng nhau thì quyết định cuối cùng là ý kiến của Trưởng Ban Kiểm soát hoặc thành viên Ban Kiểm soát được Trưởng Ban Kiểm soát ủy quyền chủ tọa cuộc họp (trường hợp Trưởng Ban Kiểm soát vắng

mặt), ngoại trừ trường hợp mà Trưởng Ban Kiểm soát hay người được ủy quyền của Trưởng Ban Kiểm soát chủ trì cuộc họp có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều này.

4. Việc lấy ý kiến bằng văn bản đề thông qua quyết định có giá trị tương đương với việc biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.

5. Các kiến nghị của Ban Kiểm soát phải được đưa ra lấy ý kiến tập thể trong Ban Kiểm soát theo nguyên tắc biểu quyết đa số. Mỗi thành viên Ban Kiểm soát có quyền bảo lưu ý kiến trong báo cáo của Ban Kiểm soát.

Điều 19: Biên bản họp của Ban Kiểm soát

1. Cuộc họp Ban Kiểm soát phải được ghi chép đầy đủ và biên bản họp. Biên bản họp BKS được lập bằng tiếng Việt và phải được tất cả các thành viên BKS tham dự cuộc họp ký tên và phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản. Thư ký cuộc họp do Trưởng Ban Kiểm soát hoặc người được ủy quyền chỉ định theo từng phiên họp.

2. Chủ tọa cuộc họp có trách nhiệm bố trí lập và gửi biên bản cuộc họp BKS cho các thành viên BKS và biên bản đó sẽ được coi là những bằng chứng mang tính kết luận về công việc tiến hành tại cuộc họp đó, trừ trường hợp có những khiếu nại liên quan đến nội dung của biên bản đó trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi biên bản.

Điều 20: Các mối quan hệ của Ban Kiểm soát

1. Quan hệ với các cơ quan quản lý Nhà nước: Ban Kiểm soát tổ chức và thực hiện chế độ thông tin, báo cáo các nội dung liên quan đến công việc kiểm tra giám sát theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Quan hệ với cổ đông:

- Ban Kiểm soát có trách nhiệm gửi báo cáo kiểm tra, giám sát định kỳ, báo cáo các vấn đề có liên quan đến công tác kiểm soát cho Cổ đông lớn.

- Ban Kiểm soát báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát tại kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên theo quy định tại Điều lệ Tổng Tổng công ty.

3. Quan hệ với Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị chịu sự giám sát của Ban Kiểm soát đối với việc thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong các phiên họp HĐQT, người triệu tập phải gửi thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo đến các Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với các thành viên HĐQT.

- Thư ký của HĐQT phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên HĐQT và bản sao các

biên bản họp HĐQT sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban Kiểm soát vào cùng thời điểm được cung cấp cho HĐQT.

- Ban Kiểm soát thông báo cho Hội đồng quản trị kết quả kiểm tra, giám sát nội bộ định kỳ hằng quý hoặc đột xuất sau khi kết thúc việc kiểm tra, giám sát.

- Khi nhận được kết quả kiểm tra, Hội đồng quản trị xem xét để đưa ra kết luận và quyết định xử lý. Ban Kiểm soát giám sát việc thực hiện các kết luận và quyết định xử lý của Hội đồng quản trị.

- Ban Kiểm soát tham gia cùng với đoàn công tác kiểm tra, giám sát khi Hội đồng quản trị yêu cầu.

- Các báo cáo tình hình kinh doanh hằng năm của Tổng công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị chuẩn bị trình lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên phải được gửi cho Ban Kiểm soát trước ngày tổ chức đại hội 05 (năm) ngày làm việc để thẩm định.

- Ban Kiểm soát thông báo cho Hội đồng quản trị và tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị về các vấn đề được nêu trong báo cáo của Ban Kiểm soát trước khi gửi lên Đại hội đồng cổ đông.

4. Quan hệ với Tổng giám đốc:

- Tổng giám đốc chịu sự giám sát của Ban Kiểm soát trong việc quản lý và điều hành Tổng Tổng công ty.

- Báo cáo của Tổng giám đốc trình HĐQT hoặc tài liệu khác do Tổng Tổng công ty phát hành được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

- Tổng giám đốc có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu và các phương tiện phục vụ công tác kiểm tra, giám sát theo yêu cầu của Ban Kiểm soát.

- Tổng giám đốc xem xét những kiến nghị của Ban Kiểm soát để điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Tổng công ty đúng pháp luật và các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

- Thông báo kịp thời cho Ban Kiểm soát khi phát hiện thấy những yếu kém, tồn tại, các sai phạm, rủi ro, thất thoát lớn về tài sản hoặc khi có những thay đổi trong hệ thống kiểm tra, giám sát nội bộ tại đơn vị.

5. Quan hệ với các đơn vị trực thuộc, người đại diện tại các Tổng công ty con:

- Trưởng các phòng của Tổng Tổng công ty, Giám đốc các đơn vị trực thuộc của Tổng Tổng công ty, người đại diện phần vốn của Tổng Tổng công ty tại các Tổng công ty con phải cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu phục vụ công tác kiểm tra, giám sát theo yêu cầu của Ban Kiểm soát và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, đầy đủ, trung thực của các thông tin, tài liệu đã cung cấp.

- Ban Kiểm soát có trách nhiệm bảo mật số liệu, tài liệu theo quy định pháp luật.

6. Quan hệ với Ban Kiểm soát các Tổng công ty con:

- Ban Kiểm soát Tổng Tổng công ty phối hợp với Ban Kiểm soát các đơn vị là Tổng công ty con trong công tác chuyên môn để thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao trong các cuộc kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất. Ban Kiểm soát Tổng Tổng công ty có thể huy động Ban Kiểm soát các đơn vị là Tổng công ty con tham gia phối hợp thực hiện.

- Thành viên Ban Kiểm soát do Tổng công ty đề cử tại các Tổng công ty con. Tổng công ty liên doanh, liên kết thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ, quy chế người đại diện (nếu có), và phải tuân thủ chế độ báo cáo định kỳ hằng tháng, quý, năm về Tổng Tổng công ty.

7. Quan hệ với Bộ phận Kiểm toán nội bộ

- Thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với kiểm toán nội bộ theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

- Yêu cầu Bộ phận kiểm toán nội bộ Tổng công ty phối hợp với Ban Kiểm soát trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình phù hợp với Điều lệ tổ chức và hoạt động Tổng công ty và Quy chế này.

Chương 4

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 21. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban Kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Tổng công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát.
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban Kiểm soát.
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban Kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Tổng công ty.
5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Tổng công ty với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tổng công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người

điều hành doanh nghiệp khác.

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông.

8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 22: Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên BKS

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban Kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát.

2. Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty.

Chương 5

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23: Sửa đổi, bổ sung Quy chế

1. Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có những điều Khoản chưa phù hợp với thực tế hoặc trái với quy định hiện hành của pháp luật có liên quan, các tổ chức, đơn vị cần có văn bản phản ánh kịp thời để Ban Kiểm soát nghiên cứu, xem xét sửa đổi hoặc bổ sung.

2. Việc sửa đổi, bổ sung nội dung Quy chế này khi xét thấy có những điều Khoản quy định trong Quy chế này không còn phù hợp với thực tiễn hoạt động của Tổng công ty.

3. Những nội dung chưa được quy định trong Quy chế này được hiểu là phải áp dụng thực hiện theo Điều lệ Tổng Tổng công ty, Luật Doanh Nghiệp và các Luật khác liên quan hiện hành. Trường hợp những quy định mới của pháp luật, khác với những điều Khoản trong Quy chế này thì những quy định đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Ban Kiểm soát Tổng Tổng công ty.

Điều 24: Hiệu lực thi hành

Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

**T.M BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



**TỔNG
CÔNG TY
ĐIỆN LỰC
TKV**

Lê Ngọc Nam